

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 25/02/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc Thanh và Bà Phạm Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Len – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Xóm 10A, thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn T có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình N ngày 23 tháng 11 năm 2020. Ngay từ những ngày đầu khi sống chung với nhau, anh T không đem lại cuộc sống hạnh phúc vợ chồng như chị nghĩ; anh thường có thái độ, hành vi gây ra sự rạn nứt tình cảm vợ chồng, thường xuyên tụ tập ăn nhậu, chơi bời cùng bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không nghe khiến mối quan hệ vợ chồng trở nên căng

thăng, mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Từ ngày 20 tháng 3 năm 2021 đến nay, chị và anh T đã ly thân. Từ lúc sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và liên lạc với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với Anh Nguyễn Văn T để mỗi người tự do lo cho bản thân mình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị và anh T không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba. Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời ngày 19/10/2021, bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị N sống cùng gia đình chị N, sống được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là khoảng đầu năm 2021 chị N đi làm công nhân Viship thì bắt đầu thay đổi tính tình, thường có những lời khó chịu và bảo anh về xã B sinh sống với mẹ anh. Từ tháng 7/2021 anh và chị N sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa anh và chị N không còn liên lạc, không quan tâm, chăm sóc, hỏi thăm đến nhau và trong thời gian này anh có vi phạm pháp luật nên bị tạm giam tại Công an huyện Bình Sơn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý, vì giữa anh, chị không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không đạt mục đích.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị N không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định các điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 96, Điều 97, Điều 147, Điều 203, Điều 205, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 220 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 189, Điều 203, Điều

220, Điều 228, Điều 266 và Điều 267 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với Anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Không có, không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn, bị đơn đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và Anh Nguyễn Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân, từ tháng 7/2021 đến nay anh, chị không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc và chung sống với nhau. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự như trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị N là phù hợp với ý chí của Anh Nguyễn Văn T với tình trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

[3] *Về con chung:* Anh T, chị N xác định không có con chung.

[4] *Về tài sản chung:* Không có, không giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản:* Anh T, chị N xác định không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Anh T, chị N xác định không có con chung.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh T, chị N xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000381, ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Quang Toại

